

UBND TỈNH TÂY NINH  
**SỞ TÀI CHÍNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **654** /STC-QLNS

Tây Ninh, ngày **31** tháng 3 năm 2017

V/v rà soát, điều chỉnh các  
khoản chi hạch toán chưa đúng

Kính gửi:

- Kho bạc Nhà nước Tây Ninh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố;
- Kho bạc Nhà nước các huyện;
- Phòng Giao dịch KBNN Tây Ninh;
- Các đơn vị sử dụng ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Công văn số 17791/BTC-KBNN ngày 23/12/2013 của Bộ Tài chính về việc bổ sung mã nguồn vốn chi đầu tư XD CB;

Sở Tài chính có các văn bản như sau:

- Công văn số 2900/STC-NS ngày 24/12/2015 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2016;

- Công văn số 1610/STC-NS ngày 18/8/2014 quy định danh mục mã dự phòng; hướng dẫn hạch toán mã dự phòng và mã nguồn vốn trong hệ thống thông tin Quản lý ngân sách và nghiệp vụ Kho bạc (TABMIS) áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

- Công văn số 2867/STC-NS ngày 30/12/2014 của Sở Tài chính về việc hạch toán mã dự phòng trong hệ thống thông tin Quản lý ngân sách và nghiệp vụ Kho bạc trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, trong đó, đề nghị các đơn vị thực hiện hạch toán mã dự phòng trên địa bàn tỉnh bắt đầu từ ngày 01/01/2015;

Ngày 22/12/2016, Sở Tài chính có Công văn số 3117/STC-QLNS về việc hạch toán mã dự phòng và rà soát, điều chỉnh các khoản chi hạch toán chưa đúng; trong đó đề nghị các đơn vị tỉnh, các huyện, thành phố hoàn tất hạch toán mã dự phòng, điều chỉnh các khoản chi trước ngày 28/12/2016. Tuy nhiên, qua rà soát số liệu chi ngân sách năm 2016 đến hết ngày 29/3/2017, vẫn còn một số đơn vị tỉnh và các huyện, thành phố chưa hạch toán đúng theo quy định về hạch toán chi ngân sách trên hệ thống Tabmis, Sở Tài chính đề nghị các huyện khẩn trương rà soát, phối hợp với Kho bạc nhà nước huyện điều chỉnh, cụ thể:

**1. Về hạch toán mã nguồn vốn:**



Đề nghị huyện Tân Châu điều chỉnh mã nguồn vốn chi đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung (nguồn xố số kiến thiết) từ mã nguồn vốn 49 sang mã nguồn vốn 43, với tổng số tiền là 3.700.038.000 đồng.

(Chi tiết số liệu đã hạch toán đính kèm Biểu số 01).

## **2. Về hạch toán chi khác:**

Đề nghị huyện Châu Thành điều chỉnh mã ngành kinh tế (khoản) từ khoản 369 sang khoản 011 đối với nhiệm vụ chi hỗ trợ người sản xuất lúa từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu - kinh phí bảo vệ và phát triển đất lúa với tổng số tiền: 126.199.960 đồng.

(Chi tiết số liệu đã hạch toán kèm theo Biểu số 02).

**3. Về hạch toán mã chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đối với các dự án được phân khai từ các nguồn vốn khác ngoài vốn chương trình mục tiêu quốc gia - ngân sách trung ương (như các nguồn xố số kiến thiết, nguồn ngân sách tập trung của ngân sách cấp tỉnh, nguồn cân đối ngân sách huyện, xã ...):**

Trong năm 2016, ngân sách cấp tỉnh đã thực hiện bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thành phố để thực hiện hỗ trợ xây dựng nông thôn mới với tổng số tiền là 326.058,9 triệu đồng, gồm: 321.833,9 triệu đồng từ nguồn thu xố số kiến thiết (8 huyện và 01 thành phố) và 4.225 triệu đồng từ nguồn ngân sách tập trung ngân sách cấp tỉnh (huyện Tân Biên).

Tuy nhiên, qua rà soát số liệu trên hệ thống Tabmis, Sở Tài chính nhận thấy huyện Tân Châu chưa thực hiện hạch toán mã chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đối với các dự án sử dụng từ nguồn xố số kiến thiết. Do đó, đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện phối hợp với Kho bạc nhà nước huyện và các đơn vị có liên quan khẩn trương thực hiện điều chỉnh, bổ sung mã chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đối với các dự án này (kể cả các dự án năm 2015 chuyển sang).

(Chi tiết kèm theo Biểu số 03).

**4. Hạch toán chi xây dựng cơ bản đúng mã ngành kinh tế theo lĩnh vực chi đã được tỉnh hỗ trợ có mục tiêu:**

Năm 2016, ngân sách tỉnh đã bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thành phố với tổng số tiền là 776.878 triệu đồng từ nguồn ngân sách cấp tỉnh (nguồn NSTT - mã dự phòng: 200, nguồn thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng - mã dự phòng: 200, nguồn thu xố số kiến thiết - mã dự phòng: 205, nguồn tăng thu tiền sử dụng đất - mã dự phòng: 204, ...) để chi đầu tư xây dựng cơ bản được bố trí cho các lĩnh vực giáo dục đào tạo, giao thông, văn hóa, thể thao, y tế,... Tuy nhiên, qua rà soát số liệu chi năm 2016, Sở Tài chính nhận thấy vẫn còn bốn huyện hạch toán chưa đúng lĩnh vực đã được bố trí, cụ thể: Dương



Minh Châu, Trảng Bàng, Tân Biên, Tân Châu. Hầu hết các huyện hạch toán các dự án được bố trí vào lĩnh vực văn hóa, thể thao, y tế,... vào lĩnh vực quản lý nhà nước (mã ngành kinh tế: 463, 464).

Để thực hiện quyết toán đúng lĩnh vực đã được bố trí vốn, Sở Tài chính đề nghị các huyện, thành phố khẩn trương rà soát và phối hợp Kho bạc Nhà nước huyện, Phòng Giao dịch KBNN Tây Ninh thực hiện điều chỉnh số liệu chi năm 2016 từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu theo đúng lĩnh vực tỉnh đã bố trí.

## **5. Về hạch toán chi bầu cử năm 2016:**

### Đối với đơn vị Công an tỉnh:

- Tổng kinh phí Công an tỉnh đã báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện bầu cử năm 2016 là 680.190.000 đồng, từ nguồn ngân sách trung ương: 500.000.000 đồng, từ nguồn ngân sách tỉnh giao dự toán năm 2016 là 180.190.000 đồng.

- Số liệu đã hạch toán trên hệ thống Tabmis: 500.000.000 đồng (nguồn ngân sách trung ương – mã dự phòng: 100).

- Số liệu chưa hạch toán chi bầu cử từ nguồn ngân sách tỉnh là 180.190.000 đồng (680.190.000 đồng – 500.000.000 đồng).

Sở Tài chính đề nghị Công an tỉnh phối hợp với Kho bạc nhà nước Tây Ninh thực hiện điều chỉnh hạch toán chi bầu cử từ nguồn ngân sách tỉnh, số tiền 180.190.000 đồng như sau:

- Mục 7900 – Tiểu mục: 7902

- Mã dự phòng: 200

## **6. Về hạch toán đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng bảo trợ xã hội:**

Qua rà soát, Sở Tài chính nhận thấy có 2 huyện Gò Dầu và Bến Cầu chưa hạch toán chi đóng bảo hiểm y tế năm 2016 cho các đối tượng bảo trợ xã hội. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội phối hợp với Kho bạc Nhà nước huyện và các đơn vị có liên quan:

- Trường hợp chưa đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng bảo trợ xã hội thì khẩn trương thực hiện đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo đúng quy định của Luật bảo hiểm y tế.

- Trường hợp, đã thực hiện nhưng chưa hạch toán đúng vào khoản 521 (hoặc khoản 528) và tiểu mục 7155 thì đề nghị khẩn trương thực hiện điều chỉnh số liệu.

Ngoài các nội dung nêu trên, đề nghị các đơn vị tỉnh, các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn rà soát lại các nội dung chi từ nguồn ngân sách ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu (chi đầu tư và chi thường xuyên) để

hạch toán đúng mục lục ngân sách và đúng lĩnh vực chi theo đề nghị tại Công văn số 3117/STC-QLNS ngày 22/12/2016 nêu trên.

Sở Tài chính đề nghị các đơn vị tỉnh phối hợp với Kho bạc nhà nước tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch và các đơn vị có liên quan phối hợp với Kho bạc nhà nước các huyện, Phòng Giao dịch Tây Ninh thực hiện điều chỉnh các khoản chi nêu trên theo đúng quy định.

Ngoài các nội dung nêu trên, đề nghị các đơn vị sử dụng ngân sách trên địa bàn tỉnh thực hiện rà soát và điều chỉnh các khoản chi theo đúng quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Tài chính để được hướng dẫn và kịp thời giải quyết.

Để công tác khóa sổ ngân sách cuối năm và quyết toán ngân sách năm 2016 đạt kết quả tốt, Sở Tài chính đề nghị các đơn vị tỉnh; các huyện, thành phố hoàn tất hạch toán mã dự phòng, điều chỉnh các khoản chi nêu trên trước ngày 10/4/2017.

Sở Tài chính thông báo cho Sở, ngành tỉnh và các huyện, thành phố biết và tổ chức thực hiện. /*h*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Sở KHĐT;
- Các Phòng thuộc Sở: TCHCSN, TCĐT, TH-TKTC, Thanh tra;
- Website Sở Tài chính;
- Lưu: VT.Sở, QLNS.

KI. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
  
Trương Trúc Phương



Biểu số 1

## TỔNG HỢP SỐ LIỆU CHI NĂM 2016 HẠCH TOÁN SAI NGUỒN VỐN

(Kèm theo Công văn số: 654 /STC-QLNS ngày 31/3/2017 của Sở Tài chính)

Đơn vị: đồng.

<u>TKTN</u>	<u>Tiểu mục</u>	<u>Cấp NS</u>	<u>Mã QHNS</u>	<u>Mã ĐB</u>	<u>Chương</u>	<u>Khoản</u>	<u>CTMT</u>	<u>SHKB</u>	<u>Nguồn vốn</u>	<u>Mã DP</u>	<u>Số tiền</u>
8211	9301	3	7496423	706	760	223	00000	1913	49	205	48.063.000
8211	9402	3	7496423	706	760	223	00000	1913	49	205	84.388.000
8211	9402	3	7407991	706	760	492	00000	1913	49	205	110.000.000
8211	9402	3	7496344	706	760	223	00000	1913	49	205	158.540.000
8211	9351	3	7443713	706	760	491	00000	1913	49	205	500.000.000
8211	9301	3	7496344	706	760	223	00000	1913	49	205	2.799.047.000
										<b>Tổng cộng</b>	<b>3.700.038.000</b>



Biểu số 2

**TỔNG HỢP SỐ LIỆU CHI NĂM 2016 HẠCH TOÁN SAI MÃ NGÀNH KINH TẾ (KHOẢN)**

(Kèm theo Công văn số: 654 /STC-QLNS ngày 31/3/2017 của Sở Tài chính)

Đơn vị: đồng.

<u>TKTN</u>	<u>Tiểu mục</u>	<u>Cấp NS</u>	<u>Mã QHNS</u>	<u>Mã ĐB</u>	<u>Chương</u>	<u>Khoản</u>	<u>CTMT</u>	<u>SHKB</u>	<u>Nguồn vốn</u>	<u>Mã DP</u>	<u>Số tiền</u>
8123	7103	4	1028242	25624	800	369	00000	1914	12	100	27.940.000
8123	7103	4	1028240	25618	800	369	00000	1914	12	100	28.035.000
8123	7103	4	1028241	25621	800	369	00000	1914	12	100	29.950.000
8123	7103	4	1028227	25588	800	369	00000	1914	12	100	40.274.960
										<b>Tổng cộng</b>	<b>126.199.960</b>

(TÀI CHÍNH)

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CHI XDCB NĂM 2016 TỪ NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT**  
**Huyện Tân Châu**

(Kèm theo Công văn số: 654 /STC-QLNS ngày 31 /3/2017 của Sở Tài chính)

Đơn vị: đồng.

STT	Chỉ tiêu	Huyện Tân Châu									Ghi chú
		Dự toán			Thực hiện			So sánh tỷ lệ TH/DT			
		Tổng	NS cấp huyện	NS cấp xã, thị trấn	Tổng	NS cấp huyện	NS cấp xã, thị trấn	Tổng	NS cấp huyện	NS cấp xã, thị trấn	
		88=89+90	89	90	91=92+93	92	93	94=91/88	95=92/89	96=93/90	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	67.887.000.000	67.887.000.000	0	47.831.454.644	47.831.454.644	0	70%	70%		
<b>A</b>	<b>CHI XDCB CHO CÁC LĨNH VỰC</b>	45.887.000.000	45.887.000.000	0	47.831.454.644	47.831.454.644	0	104%	104%		
<b>I</b>	<b>Chi quốc phòng an ninh</b>	0	0	0	0	0	0				
	1 Chi quốc phòng	0			0	0	0				
	2 Chi an ninh	0			0	0	0				
<b>II</b>	<b>Chi đầu tư giáo dục đào tạo</b>	7.800.000.000	7.800.000.000	0	25.696.605.394	25.696.605.394	0	329%	329%		
	1 Chi đầu tư giáo dục	7.800.000.000	7.800.000.000		25.696.605.394	25.696.605.394	0	329%	329%		Huyện TC: hạch toán sai mã nguồn vốn, số tiền: 610 triệu đồng.
	2 Chi đầu tư đào tạo	0			0	0	0				
<b>III</b>	<b>Chi đầu tư khoa học và công nghệ</b>	0	0	0	0	0	0				
	Các dự án	0			0	0	0				
<b>IV</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số</b>	2.400.000.000	2.400.000.000	0	0	0	0	0%	0%		
	1 Chi sự nghiệp y tế	2.400.000.000	2.400.000.000		0	0	0	0%	0%		
	2 Chi sự nghiệp dân số	0			0	0	0				
<b>V</b>	<b>Chi văn hóa thông tin</b>	70.000.000	70.000.000	0	0	0	0	0%	0%		
	Các dự án	70.000.000	70.000.000		0	0	0	0%	0%		
<b>VI</b>	<b>Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	0	0	0	0	0	0				
	1 Hoạt động phát thanh	0			0	0	0				



STT	Chỉ tiêu	Huyện Tân Châu									Ghi chú
		Dự toán			Thực hiện			So sánh tỷ lệ TH/DT			
		Tổng	NS cấp huyện	NS cấp xã, thị trấn	Tổng	NS cấp huyện	NS cấp xã, thị trấn	Tổng	NS cấp huyện	NS cấp xã, thị trấn	
		88=89+90	89	90	91=92+93	92	93	94=91/88	95=92/89	96=93/90	
A	B	88=89+90	89	90	91=92+93	92	93	94=91/88	95=92/89	96=93/90	97
	2	Hoạt động truyền hình	0			0	0	0			
	3	Hoạt động thông tấn	0			0	0	0			
<b>VII</b>		<b>Sự nghiệp thể dục thể thao</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			
		Hoạt động thể thao	0			0	0	0			
<b>VIII</b>		<b>Sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			
		Hoạt động bảo vệ môi trường	0			0	0	0			
<b>IX</b>		<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	<b>32.643.000.000</b>	<b>32.643.000.000</b>	<b>0</b>	<b>19.264.849.250</b>	<b>19.264.849.250</b>	<b>0</b>	<b>59%</b>	<b>59%</b>	
	1	Hoạt động nông nghiệp	0			0	0	0			
	2	Hoạt động lâm nghiệp	0			0	0	0			
	3	Hoạt động thủy lợi	0			0	0	0			
	4	Hoạt động giao thông	30.517.000.000	30.517.000.000		17.454.697.250	17.454.697.250	0	57%	57%	Huyện TC: hạch toán sai mã nguồn vốn, số tiền: 3.090.038.000 đồng.
	5	Hoạt động Kiến thiết thị chính	0			0	0	0			
	6	Hoạt động kinh tế khác	2.126.000.000	2.126.000.000		1.810.152.000	1.810.152.000	0	85%	85%	
<b>X</b>		<b>Quản lý hành chính</b>	<b>2.974.000.000</b>	<b>2.974.000.000</b>	<b>0</b>	<b>2.870.000.000</b>	<b>2.870.000.000</b>	<b>0</b>	<b>97%</b>	<b>97%</b>	
	1	QLNN	2.974.000.000	2.974.000.000		2.870.000.000	2.870.000.000	0	97%	97%	
	2	Đảng	0			0	0	0			
	3	Đoàn thể	0			0	0	0			
	4	Tổ chức xã hội	0			0	0	0			
<b>XI</b>		<b>Đảm bảo xã hội</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			
	1	Chi ĐBXH	0			0	0	0			
	2	Chi sự nghiệp gia đình	0			0	0	0			
<b>XII</b>		<b>Chi khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			
		Các dự án	0			0	0	0			
<b>B</b>		<b>CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>0%</b>	



STT	Chỉ tiêu	Huyện Tân Châu									Ghi chú
		Dự toán			Thực hiện			So sánh tỷ lệ TH/DT			
		Tổng	NS cấp huyện	NS cấp xã, thị trấn	Tổng	NS cấp huyện	NS cấp xã, thị trấn	Tổng	NS cấp huyện	NS cấp xã, thị trấn	
		88=89+90	89	90	91=92+93	92	93	94=91/88	95=92/89	96=93/90	
<b>I</b>	<b>Chi quốc phòng an ninh</b>	0	0	0	0	0	0				97
1	Chi quốc phòng	0			0	0	0				
2	Chi an ninh	0			0	0	0				
<b>II</b>	<b>Chi đầu tư giáo dục đào tạo</b>	17.358.000.000	17.358.000.000	0	0	0	0	0%	0%		
1	Chi đầu tư giáo dục	17.358.000.000	17.358.000.000		0	0	0	0%	0%		
2	Chi đầu tư đào tạo	0			0	0	0				
<b>III</b>	<b>Chi đầu tư khoa học và công nghệ</b>	0	0	0	0	0	0				
	Các dự án	0			0	0	0				
<b>IV</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số</b>	0	0	0	0	0	0				
1	Chi sự nghiệp y tế	0			0	0	0				
2	Chi sự nghiệp dân số	0			0	0	0				
<b>V</b>	<b>Chi văn hóa thông tin</b>	400.000.000	400.000.000	0	0	0	0	0%	0%		
	Các dự án	400.000.000	400.000.000		0	0	0	0%	0%		
<b>VI</b>	<b>Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	0	0	0	0	0	0				
1	Hoạt động phát thanh	0			0	0	0				
2	Hoạt động truyền hình	0			0	0	0				
3	Hoạt động thông tấn	0			0	0	0				
<b>VII</b>	<b>Sự nghiệp thể dục thể thao</b>	0	0	0	0	0	0				
	Hoạt động thể thao	0			0	0	0				
<b>VIII</b>	<b>Sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	0	0	0	0	0	0				
	Hoạt động bảo vệ môi trường	0			0	0	0				
<b>IX</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	4.242.000.000	4.242.000.000	0	0	0	0	0%	0%		
1	Hoạt động nông nghiệp	0			0	0	0				
2	Hoạt động lâm nghiệp	0			0	0	0				
3	Hoạt động thủy lợi	0			0	0	0				

STT	Chi tiêu	Huyện Tân Châu									Ghi chú
		Dự toán			Thực hiện			So sánh tỷ lệ TH/DT			
		Tổng	NS cấp huyện	NS cấp xã, thị trấn	Tổng	NS cấp huyện	NS cấp xã, thị trấn	Tổng	NS cấp huyện	NS cấp xã, thị trấn	
A	B	88=89+90	89	90	91=92+93	92	93	94=91/88	95=92/89	96=93/90	97
4	Hoạt động giao thông	4.242.000.000	4.242.000.000		0	0	0				
5	Hoạt động Kiến thiết thị chính	0			0	0	0				
6	Hoạt động kinh tế khác	0			0	0	0				
<b>X</b>	<b>Quản lý hành chính</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>				
1	QLNN	0			0	0	0				
2	Đảng	0			0	0	0				
3	Đoàn thể	0			0	0	0				
4	Tổ chức xã hội	0			0	0	0				
<b>XI</b>	<b>Đảm bảo xã hội</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>				
1	Chi ĐBXH, sự nghiệp trẻ em	0			0	0	0				
2	Chi sự nghiệp gia đình	0			0	0	0				
<b>XII</b>	<b>Chi khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>				
	Các dự án	0			0	0	0				